

Số: /TB-ĐHSPTN2

Phú Thọ, ngày

tháng 5 năm 2026

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đại học chính quy năm 2026

Căn cứ Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh, bồi dưỡng dự bị đại học; xét chuyển vào học trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non đối với học sinh dự bị đại học;

Căn cứ Kế hoạch số 52/KH-ĐHSPTN2 ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 ban hành kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học chính quy năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 383/QĐ-ĐHSPTN2 ngày 17 tháng 3 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 ban hành Quy chế thi tuyển sinh;

Căn cứ Quyết định số 384/QĐ-ĐHSPTN2 ngày 17 tháng 3 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Công văn số 2304/BGDĐT-GDDH ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 845/QĐ-ĐHSPTN2 ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 ban hành Thông tin tuyển sinh đại học năm 2026 (sửa đổi).

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 thông báo tuyển sinh đại học chính quy năm 2026 như sau:

I. Thông tin chung

1. Tên cơ sở đào tạo

+ Tiếng Việt: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

+ Tiếng Anh: Hanoi Pedagogical University 2

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: SP2

3. Địa chỉ các trụ sở

Trụ sở chính: Số 32, đường Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hoà, tỉnh Phú Thọ.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://hpu2.edu.vn>

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0812.012.626; 0813.005.757

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án, quy chế thi tuyển sinh

- Trang thông tin điện tử: <https://hpu2.edu.vn>
- Trang tuyển sinh: <https://tuyensinh.hpu2.edu.vn>

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo

- Trang thông tin điện tử: <https://hpu2.edu.vn>
- Trang tuyển sinh: <https://tuyensinh.hpu2.edu.vn>

8. Công thông tin đăng ký xét tuyển, thi năng khiếu Trường ĐHSP Hà Nội 2

<http://thisinh.hpu2.edu.vn>

II. Tuyển sinh đại học chính quy

1.1. Người dự tuyển, điều kiện dự tuyển

1.1.1. Người dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức, bao gồm:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam.

- Hoặc người đã được công nhận tốt nghiệp THPT của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định.

1.1.2. Đối tượng dự tuyển quy định tại mục II.1.1.1 phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại mục II.1.3.
- b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.
- c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

1.1.3. Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập, Nhà trường thực hiện các biện pháp cần thiết và tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển và theo học các chương trình đào tạo phù hợp với năng lực và sức khỏe của thí sinh.

1.2. Phương thức xét tuyển

1.2.1. Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển, cụ thể như sau:

1.2.1.1. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các chương trình đào tạo theo quy định.

1.2.1.2. Thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế, do Bộ GD&ĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, cử tham gia, được xét tuyển thẳng vào chương trình đào tạo phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đạt giải; cụ thể trong các trường hợp sau:

- a) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

- b) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia và đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của chương trình đào tạo. Thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm nếu được xét tuyển thẳng;

- c) Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, gồm có:

Giải vô địch thể giới, Cúp thể giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á; thời gian đạt giải không quá 04 năm, tính đến thời điểm xét tuyển thẳng;

1.2.1.3. Hiệu trưởng Nhà trường căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo do Hiệu trưởng quy định xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây khi đáp ứng yêu cầu về ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của chương trình đào tạo (trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):

a) Thí sinh là người nước ngoài đã đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT;

b) Thí sinh là người Việt Nam học tập cấp THPT ở nước ngoài hoặc học tập chương trình giáo dục nước ngoài bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam đạt trình độ tương đương với trình độ THPT của Việt Nam và đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT.

c) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ; Thí sinh phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành đào tạo và phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức.

d) Thí sinh là người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; có khả năng theo học một số chương trình đào tạo do Trường quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường.

Ghi chú: Trường hợp số lượng thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển vượt quá chỉ tiêu theo phương thức này của chương trình đào tạo, việc xét trúng tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên: xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và lấy từ cao xuống thấp của tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển của chương trình đào tạo cho đến khi đủ chỉ tiêu (áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp năm 2026).

1.2.1.4. Nhà trường ưu tiên xét tuyển đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026 với các trường hợp sau đây:

a) Thí sinh quy định tại dung 1, 2 mục 1.2.1 dự tuyển vào các chương trình đào tạo theo nguyện vọng mà không dùng quyền tuyển thẳng;

b) Thí sinh đạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đạt giải trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dự tuyển vào chương trình đào tạo phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đạt giải; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển;

c) Thí sinh đạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là vận động viên kiện tướng quốc gia dự tuyển vào các ngành thể dục thể thao phù hợp; thời gian đạt giải không quá 04 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển;

Các thí sinh này được xem xét vào ngành học phù hợp nhưng phải đảm bảo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2.1.5. Kế hoạch xét tuyển, hồ sơ xét tuyển

TT	Nội dung triển khai	Thời gian thực hiện
1	- Thí sinh đăng ký trực tuyến tại trang: http://thisinh.hpu2.edu.vn - Thí sinh cần điền đầy đủ các thông tin tuyển sinh của Trường ĐHSP Hà Nội 2	Từ ngày 08/6/2026 đến 17h00 ngày 20/6/2026
2	Sau khi thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thành công trên trang tuyển sinh của Nhà trường; thực hiện in phiếu đăng ký, hoàn thiện đầy đủ các mục theo yêu cầu và gửi về Phòng Đào tạo, Trường ĐHSP Hà Nội 2	Trước ngày 22/6/2026 (tính theo dấu bưu điện tại thời điểm gửi hồ sơ)
3	Xét tuyển thẳng và thông báo kết quả cho thí sinh, cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển xét tuyển thẳng lên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Trước ngày 30/6/2026
4	Thí sinh trúng tuyển xét tuyển thẳng phải thực hiện đăng ký nguyện vọng trực tuyến trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Từ ngày 02/7/2026 đến 17h00 ngày 14/7/2026
5	Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển đăng ký nguyện vọng trực tuyến trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Từ ngày 15/7/2026 đến 17h00 ngày 21/7/2026
6	Thí sinh xác nhận nhập học trực tuyến đợt 1 trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Trước 17h00 ngày 21/8/2026

- Nhà trường chỉ nhận hồ sơ qua đường bưu điện; địa chỉ nhận hồ sơ: Phòng Đào tạo, Trường ĐHSP Hà Nội 2, số 32 Nguyễn Văn Linh, Xuân Hòa, Phú Thọ; ngoài bì thư ghi rõ **HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG/ƯU TIÊN XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC NĂM 2026**

1.2.2. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT

a) Quy định chung

- Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo tổ hợp môn ở mục 1.4, trong đó điểm môn cốt lõi không dưới 5,0 điểm.

- Thí sinh đăng ký, thực hiện theo hướng dẫn của trường THPT, Sở Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn trên trang thông tin điện tử của Nhà trường.

- Thí sinh được sử dụng một số chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (còn hạn 24 tháng đến ngày nộp hồ sơ) để quy đổi điểm cho môn Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc trong tổ hợp xét tuyển tại Bảng 1, Phụ lục kèm theo; cụ thể như sau:

b) Điểm xét tuyển

- Điểm xét tuyển = Điểm Môn 1 + Điểm Môn 2 + Điểm Môn 3 + ĐUT.

- ĐUT: điểm ưu tiên (theo khu vực, đối tượng).

c) Kế hoạch đăng ký, xét tuyển

Thực hiện theo Bảng 2, Phụ lục kèm theo.

1.2.3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập ở cấp THPT

a) Đối tượng

- Thí sinh đã tốt nghiệp cấp THPT theo mục II.1.1.1;

- Chỉ áp dụng với các ngành Giáo dục Mầm non, Giáo dục Thể chất, Giáo dục Công dân, Sư phạm Tin học, Công nghệ thông tin, Khoa học vật liệu, Quản lý thể dục thể thao, Việt Nam học.

b) Điểm xét tuyển

- Lấy điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của các môn học trong tổ hợp xét tuyển ở mục 1.4. Trường hợp môn học trong tổ hợp xét tuyển không học đủ 06 học kỳ cấp THPT theo năm do thay đổi lựa chọn môn học thì sử dụng kết quả học tập môn học khác trong tổ hợp còn lại thay thế nhưng không được thay thế môn cốt lõi. Kết quả học tập môn cốt lõi 02 học kỳ lớp 12 hoặc có điểm thi tốt nghiệp THPT môn cốt lõi không dưới 6,00 điểm.

- Điểm xét tuyển = ĐTB Môn 1 + ĐTB Môn 2 + ĐTB Môn 3 + ĐUT.

- ĐTB Môn 1 hoặc ĐTB Môn 2 hoặc ĐTB Môn 3 = (điểm lớp 10 + điểm lớp 11 + điểm lớp 12)/3.

- ĐUT: điểm ưu tiên (theo khu vực, đối tượng).

- Thí sinh tốt nghiệp THPT trước năm 2025 thực hiện cung cấp thông tin kết quả học tập (học bạ) trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường ĐHSP Hà Nội 2 tại địa chỉ: <http://www.thisinh.hpu2.edu.vn> và đăng ký xét tuyển trên Hệ thống của Bộ GD&ĐT trong thời gian quy định.

- Tất cả thí sinh phải đăng ký xét tuyển trên Hệ thống của Bộ GD&ĐT trong thời gian quy định.

c) Kế hoạch đăng ký, xét tuyển

Thí sinh thực hiện đăng ký nguyện vọng trên hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Thực hiện theo Bảng 2, Phụ lục kèm theo.

1.2.4. Xét tuyển sử dụng kết quả bài thi đánh giá năng lực

1.2.4.1. Quy định chung

a) Trường ĐHSP Hà Nội 2 sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực hoặc đánh giá năng lực chuyên biệt năm 2026 (sau đây gọi tắt là đánh giá năng lực, H-SCA) của Trường ĐHSP TP. Hồ Chí Minh.

b) Thí sinh thực hiện đăng ký nguyện vọng trên hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

1.2.4.2. Thí sinh sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực của Trường ĐHSP TP. Hồ Chí Minh.

- Thí sinh sử dụng kết quả thi H-SCA trong cùng một đợt thi tổ chức trong năm 2026 (tính đến thời điểm đăng ký dự tuyển) để đăng ký xét tuyển theo tổ hợp môn như ở mục 1.4. Kết quả học tập môn cốt lõi 02 học kỳ lớp 12 hoặc có điểm thi tốt nghiệp THPT môn cốt lõi không dưới 6,00 điểm.

- Thí sinh đăng ký xét tuyển các chương trình đào tạo trong tổ hợp môn xét tuyển có môn năng khiếu (GDMN, GDTC, QLTDĐT) phải có kết quả thi 02 môn văn hóa và kết quả thi môn năng khiếu tại Trường ĐHSP Hà Nội 2.

- Thí sinh đăng ký xét tuyển các chương trình đào tạo khác phải có kết quả thi của 03 môn văn hóa, tùy theo tổ hợp môn của chương trình đào tạo mà thí sinh đăng ký xét tuyển.

- Điểm xét tuyển = Điểm Môn 1 + Điểm Môn 2 + Điểm Môn 3 + ĐUT.

- ĐUT: điểm ưu tiên (theo khu vực, đối tượng).

1.2.4.3. Kế hoạch đăng ký, xét tuyển

Thực hiện theo Bảng 2, Phụ lục kèm theo.

1.2.5. Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi độc lập của Trường ĐHSP Hà Nội 2 (SP2E)

a) Quy định chung

- Thí sinh sử dụng kết quả kỳ thi độc lập của Trường ĐHSP Hà Nội 2 tổ chức trong năm 2026 để đăng ký xét tuyển.

- Thí sinh thực hiện đăng ký nguyện vọng trên hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

- Thí sinh thực hiện chọn tổ hợp môn xét tuyển như ở mục 1.4.

b) Điểm xét tuyển

- Thí sinh sử dụng kết quả thi SP2E do Trường ĐHSP Hà Nội 2 tổ chức trong năm 2026 để đăng ký xét tuyển theo tổ hợp môn như ở mục 1.4. Kết quả học tập môn cốt lõi 02 học kỳ lớp 12 hoặc có điểm thi tốt nghiệp THPT môn cốt lõi không dưới 6,00 điểm.

- Thí sinh đăng ký xét tuyển các chương trình đào tạo trong tổ hợp môn xét tuyển có môn năng khiếu (GDMN, GDTC, QLTDĐT) phải có kết quả thi 02 môn văn hóa và kết quả thi môn năng khiếu tại Trường ĐHSP Hà Nội 2.

- Điểm xét tuyển = Điểm Môn 1 + Điểm Môn 2 + Điểm Môn 3 + ĐUT.

- ĐUT: điểm ưu tiên (theo khu vực, đối tượng).

c. Kế hoạch đăng ký, xét tuyển

Thực hiện theo Bảng 2, Phụ lục kèm theo.

1.2.6. Kết hợp thi tuyển và xét tuyển (Áp dụng đối với ngành Giáo dục Mầm non, ngành Giáo dục Thể chất, Quản lý thể dục thể thao)

1.2.6.1. Thi năng khiếu

1.2.6.1.1. Quy định chung và cách tính điểm môn năng khiếu

a) Quy định chung

- Thí sinh xét tuyển các chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non, Giáo dục Thể chất, Quản lý thể dục thể thao phải dự thi năng khiếu tại Trường ĐHSP Hà Nội 2.

- Trường ĐHSP Hà Nội 2 không công nhận kết quả thi năng khiếu/thi bổ trợ của các cơ sở đào tạo khác.

- Môn Năng khiếu chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non quy định mã là NK1, thi hai nội dung là: Kể chuyện và Hát.

- Môn Năng khiếu các chương trình đào tạo Giáo dục Thể chất, Quản lý thể dục thể thao quy định mã là NK2, thi hai nội dung là Bật xa tại chỗ và Chạy cự ly 100 m.

- Thời gian thi các môn năng khiếu được thông báo trên chuyên trang tuyển sinh của nhà trường.

Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng, Nhà trường sẽ tổ chức thi các môn năng khiếu theo hình thức trực tuyến dựa vào hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh thường xuyên theo dõi trên chuyên trang tuyển sinh (<http://tuyensinh.hpu2.edu.vn>) để cập nhật thông tin.

b) Cách tính điểm môn năng khiếu

- Môn năng khiếu chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non:

Điểm môn NK1 = (Điểm nội dung Kể chuyện + Điểm nội dung Hát)/2.

- Môn năng khiếu các chương trình đào tạo Giáo dục Thể chất, Quản lý thể dục thể thao:

Điểm môn NK2 = (Điểm nội dung Bật xa tại chỗ + Điểm nội dung chạy cự ly 100m)/2.

1.2.6.1.2. Nội dung, yêu cầu thi năng khiếu ngành Giáo dục Mầm non

a) Thi hát

Nội dung thi hát gồm phần hát và phần thẩm âm, tiết tấu:

● **Phần hát**

- Thí sinh tự chọn 01 bài hát tiếng Việt, nêu tên bài hát, tác giả của bài hát đó; trình bày bài hát.

- Kỹ thuật hát: thí sinh hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái tình cảm của bài hát.

- Thể hiện được kỹ thuật hát liền âm, nảy âm, luyến; biết điều tiết hơi thở hợp lý.

- Hát rõ lời, mở đúng khẩu hình; tạo âm thanh vang sáng, tự nhiên dàn dựng và biểu diễn để thể hiện một bài hát hoàn chỉnh.

- Thí sinh được hát từ 1 đến 2 lần. Mỗi lần hát đều tính điểm và lấy điểm của lần hát cao nhất.

- Thí sinh bị phạm quy nếu vi phạm những lỗi sau:

+ Không thực hiện phần thi hát của mình.

+ Thực hiện không đúng nội dung thi.

+ Hát theo hướng tiêu cực, tục tĩu, không phù hợp với thuần phong mỹ tục.

- Nếu thí sinh nào bị phạm quy kết quả được tính là 0 điểm của phần hát.

● **Phần thẩm âm, tiết tấu**

- Kỹ thuật thẩm âm: Thí sinh sử dụng thính giác âm nhạc và trí nhớ âm nhạc để nhận biết cao độ, nhận biết tiết tấu và tái hiện lại một nét giai điệu đã được nghe.

- Kỹ thuật tiết tấu: thí sinh sử dụng thính giác âm nhạc, tiết tấu nhịp điệu âm nhạc và trí nhớ âm nhạc để tái hiện lại được một đoạn tiết tấu đã được nghe.

- Thí sinh được thực hành thắm âm từ 1 đến 2 lần. Mỗi lần thắm âm đều tính điểm và lấy điểm của lần thắm âm cao nhất.

- Thí sinh bị phạm quy nếu vi phạm những lỗi sau:

+ Không thực hiện phần thi thắm âm, tiết tấu của mình.

+ Thực hiện không đúng nội dung thi.

- Nếu thí sinh nào bị phạm quy kết quả được tính là 0 điểm của phần thắm âm, tiết tấu.

b) Thi kể chuyện

- Thí sinh tự chọn 01 câu chuyện kể cho thiếu nhi, nêu tên tác phẩm, tác giả của câu chuyện kể (nếu có); trình bày câu chuyện kể đó.

- Kỹ thuật: Thí sinh sử dụng ngôn ngữ nói kết hợp với nét mặt, cử chỉ, điệu bộ phù hợp để kể lại câu chuyện một cách diễn cảm.

- Thí sinh được kể câu chuyện từ 1 đến 2 lần. Mỗi lần kể đều tính điểm và lấy điểm của lần kể cao nhất.

- Thí sinh bị phạm quy nếu vi phạm những lỗi sau:

+ Không thực hiện phần thi kể chuyện của mình.

+ Thực hiện không đúng nội dung thi.

+ Kể câu chuyện theo hướng tiêu cực, tục tĩu, không phù hợp với thuần phong mỹ tục.

- Nếu thí sinh nào bị phạm quy kết quả được tính là 0 điểm.

1.2.6.1.3. Nội dung, yêu cầu thi năng khiếu các chương trình đào tạo Giáo dục Thể chất, Quản lý thể dục thể thao

a) Bật xa tại chỗ

- Kỹ thuật: Hai chân đứng trên ván giậm nhảy và bật nhảy bằng 2 chân.

- Mỗi thí sinh được bật 2 lần. Mỗi lần bật đều đo thành tích và công nhận thành tích cao nhất.

- Nếu trong 2 lần bật có 1 lần phạm quy thì tính thành tích ở lần không phạm quy.

- Thí sinh bị phạm quy nếu vi phạm những lỗi sau:

+ Khi tạo đà 2 chân rời ván giậm nhảy.

+ Khi giậm nhảy 2 chân rời ván không đồng thời.

+ Khi giậm nhảy bàn chân vượt quá mép trên của ván giậm nhảy.

+ Khi tiếp cát do mất thăng bằng, cơ thể ngã về phía sau và vượt quá giới hạn ván giậm nhảy.

- Đo thành tích: Thành tích được đo từ mép trên của ván giậm nhảy (gần với hố cát) đến điểm tiếp xúc cát của bất kỳ bộ phận nào trên cơ thể và gần với ván giậm nhảy nhất (Ví dụ: Khi hai chân chạm cát nhưng do mất đà nên phải dùng tay chống xuống hố cát thì trọng tài sẽ xem xét giữa điểm rơi của hai chân và bộ phận nào rơi gần với ván giậm nhảy hơn thì đo bộ phận đó).

b) Chạy cự ly 100m

- Thực hiện kỹ thuật xuất phát (không có bàn đạp).
- Trong 1 đợt chạy nếu có bất kỳ 1 thí sinh nào phạm quy thì trọng tài vẫn tiếp tục cho chạy và chỉ bắt lỗi thí sinh phạm quy trong đợt chạy này.

- Thí sinh bị phạm quy nếu vi phạm những lỗi sau:

- + Phạm lỗi xuất phát (xuất phát trước hiệu lệnh).
- + Trong quá trình chạy thí sinh chạy ra ngoài đường chạy.
- + Có hành vi cản trở ảnh hưởng đến các thí sinh khác.

1.2.6.2. Xét tuyển kết hợp với điểm thi năng khiếu

Thí sinh đăng ký xét tuyển các phương thức sau:

a) Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

Thí sinh thực hiện đăng ký nguyện vọng trên hệ thống tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo

b) Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 kết hợp điểm thi năng khiếu.

- Thí sinh thực hiện đăng ký nguyện vọng trên hệ thống tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non: môn Năng khiếu (NK1).

- Chương trình đào tạo Giáo dục Thể chất, Quản lý thể dục thể thao: môn Năng khiếu (NK2).

c) Sử dụng kết quả học tập ở cấp THPT (học bạ) kết hợp điểm thi năng khiếu

- Thí sinh thực hiện đăng ký nguyện vọng trên hệ thống tuyển sinh của Trường ĐHSP Hà Nội 2.

- Chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non: môn Năng khiếu (NK1).

- Chương trình đào tạo Giáo dục Thể chất, Quản lý thể dục thể thao: môn Năng khiếu (NK2).

d) Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực kết hợp điểm thi năng khiếu

- Thí sinh thực hiện đăng ký nguyện vọng trên hệ thống tuyển sinh của Trường ĐHSP Hà Nội 2.

- Chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non: môn Năng khiếu (NK1).

- Chương trình đào tạo Giáo dục Thể chất, Quản lý thể dục thể thao: môn Năng khiếu (NK2).

e) Sử dụng kết quả kỳ thi độc lập của Trường ĐHSP Hà Nội 2 kết hợp điểm thi năng khiếu

- Chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non: môn Năng khiếu (NK1).

- Chương trình đào tạo Giáo dục Thể chất, Quản lý thể dục thể thao: môn Năng khiếu (NK2).

Ghi chú: Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 kết hợp với điểm thi năng khiếu thí sinh phải có điểm thi tốt nghiệp môn Toán hoặc Ngữ văn không dưới 5,00 điểm. Các phương thức còn lại (không áp dụng đối với phương thức Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển) thí sinh phải có kết quả học tập môn Toán hoặc Ngữ văn 02 học kỳ lớp 12 hoặc có điểm thi tốt nghiệp THPT môn Toán

hoặc Ngữ văn không dưới 5,00 điểm. Đối với các phương thức xét tuyển sử dụng các tổ hợp xét tuyển, độ chênh lệch điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển trong cùng một ngành bằng 0.

1.2.7. Xét chuyển học sinh dự bị đại học (DBDH)

Thí sinh là học sinh hoàn thành chương trình DBDH năm 2026 từ các trường dự bị dân tộc, Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc (dưới đây gọi chung là Trường DBDH) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở chỉ tiêu Trường ĐHSP Hà Nội 2 đã thống nhất với trường DBDH và đã công bố.

1.2.8. Xét tuyển diện học sinh cử tuyển

Cử tuyển đối với người học là người dân tộc thiểu số, theo quy định các văn bản hiện hành, trên cơ sở chỉ tiêu Trường ĐHSP Hà Nội 2 đã công bố.

1.2.9. Xét tuyển lưu học sinh hiệp định hoặc ngoài hiệp định

Thí sinh là người nước ngoài có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt đáp ứng quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở chỉ tiêu Trường ĐHSP Hà Nội 2 đã công bố.

1.3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

1.3.1. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển các phương thức xét tuyển do Hội đồng tuyển sinh quyết định và sẽ công bố theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT.

1.3.2. Các điều kiện ngưỡng đầu vào khác

1.3.2.1. Tổ hợp gốc và ngưỡng đầu vào (theo kết quả thi tốt nghiệp THPT) của môn cốt lõi trong các tổ hợp xét tuyển

Thực hiện theo Bảng 3, Phụ lục kèm theo.

1.3.2.2. Điều kiện chung

- Thí sinh đã tốt nghiệp cấp THPT hoặc tương đương.

- Đối với các chương trình đào tạo giáo viên:

+ Không tuyển những thí sinh bị dị hình, dị tật, nói ngọng, nói lắp.

+ Chương trình đào tạo Giáo dục Thể chất chỉ tuyển thí sinh thể hình cân đối: Nam cao 1,60m nặng 45kg trở lên, nữ cao 1,50m nặng 40kg trở lên.

- Thí sinh được đăng ký tối đa 15 nguyện vọng vào các chương trình đào tạo, nguyện vọng phải được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).

- Các chương trình đào tạo giáo viên chỉ xét tuyển thí sinh đăng ký ở các nguyện vọng có thứ tự từ 01 đến 05.

1.3.2.3. Điều kiện khác cụ thể cho các phương thức xét tuyển

a) Xét tuyển thẳng

*) Đối tượng xét tuyển tại mục II.1.2.1.1, II.1.2.1.2

- Đáp ứng yêu cầu tại mục II.1.2.1.1, II.1.2.1.2

- Riêng thí sinh thuộc diện quy định tại mục II.1.2.1.2 (nội dung b) yêu cầu cụ thể như sau:

+ Đối với các chương trình đào tạo giáo viên phải đạt ngưỡng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

+ Đối với các chương trình đào tạo còn lại phải có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30 (chương trình đào tạo Quản lý thể dục thể thao yêu cầu tổng điểm 02 môn thi tốt nghiệp THPT (không tính môn năng khiếu) theo tổ hợp môn xét tuyển đạt tối thiểu 10,00 điểm), áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026

*) Đối tượng xét tuyển tại mục II.1.2.1.3

- Đáp ứng yêu cầu tại mục II.1.2.1.3.

- Đối với các chương trình đào tạo giáo viên yêu cầu kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (hoặc tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển đạt 18,00 điểm trở lên (chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non yêu cầu tổng điểm 02 môn thi tốt nghiệp THPT (không tính môn năng khiếu) theo tổ hợp môn xét tuyển đạt 12,00 điểm trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,50 trở lên (không áp dụng đối với thí sinh được miễn thi, thí sinh đặc cách tốt nghiệp THPT theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành và thí sinh đã tốt nghiệp từ năm 2025 trở về trước);

- Riêng ngành Giáo dục Thể chất kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 (hoặc tương đương) và tổng điểm 02 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển đạt 11,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,50 trở lên, không áp dụng đối với thí sinh được miễn thi, thí sinh đặc cách tốt nghiệp THPT theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành và thí sinh đã tốt nghiệp từ năm 2025 trở về trước.

- Thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế có điểm thi năng khiếu do Nhà trường tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,00 trở lên theo thang điểm 10) khi đăng ký xét tuyển vào các chương trình đào tạo phù hợp không phải áp dụng ngưỡng đầu vào.

b) Ưu tiên xét tuyển

*) Đối với các chương trình đào tạo giáo viên

- Đạt ngưỡng đầu vào với chương trình đào tạo giáo viên do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

- Đối với các chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non, Giáo dục Thể chất:

Tổng điểm các môn văn hóa + [(ĐUT theo khu vực + ĐUT theo đối tượng chính sách) x 2/3] (làm tròn đến 2 chữ số thập phân) \geq 2/3 số điểm theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường ĐHSP Hà Nội 2.

- Thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế có điểm thi năng

khiếu do Nhà trường tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,00 trở lên theo thang điểm 10) khi đăng ký xét tuyển vào các chương trình đào tạo phù hợp không phải áp dụng ngưỡng đầu vào.

*) Đối với các chương trình đào tạo khác

Thí sinh phải có tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30 (chương trình đào tạo Quản lý thể dục thể thao yêu cầu tổng điểm 02 môn thi tốt nghiệp THPT (không tính môn năng khiếu) theo tổ hợp môn xét tuyển đạt tối thiểu 10,00 điểm), áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp năm 2026; không áp dụng đối với thí sinh thuộc được đặc cách xét tốt nghiệp THPT.

c) Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT

- Thí sinh sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 để đăng ký xét tuyển đối với các chương trình đào tạo giáo viên không yêu cầu kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (hoặc tương đương).

- Đạt ngưỡng đầu vào với chương trình đào tạo giáo viên do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

- Thí sinh không bị điểm liệt trong kỳ thi tốt nghiệp THPT. Cụ thể:

+ Điểm liệt của mỗi bài thi độc lập: Từ 1,00 điểm trở xuống.

- Ngành Khoa học vật liệu: điểm môn Toán từ 5,00 điểm trở lên (theo thang điểm 10).

- Đối với các chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non, Giáo dục Thể chất:

Tổng điểm các môn văn hóa + [(ĐU'T theo khu vực + ĐU'T theo đối tượng chính sách) x 2/3] (làm tròn đến 2 chữ số thập phân) \geq 2/3 số điểm theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường ĐHSP Hà Nội 2.

*) Đối với các ngành khác

Thí sinh phải có tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30 (chương trình đào tạo Quản lý thể dục thể thao yêu cầu tổng điểm 02 môn thi tốt nghiệp THPT (không tính môn năng khiếu) theo tổ hợp môn xét tuyển đạt tối thiểu 10,00 điểm), áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp năm 2026; không áp dụng đối với thí sinh thuộc được đặc cách xét tốt nghiệp THPT.

d) Xét tuyển sử dụng kết quả học tập ở cấp THPT

- Điểm liệt của môn Năng khiếu (theo thang điểm 10): Từ 1,00 điểm trở xuống.

- Thí sinh sử dụng điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của các môn (*Ghi trong học bạ*) theo tổ hợp môn để đăng ký xét tuyển

- Yêu cầu cụ thể đối với các chương trình đào tạo như sau:

*) Đối với các chương trình đào tạo giáo viên

- Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (hoặc tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển đạt 18,00 điểm (chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non yêu cầu tổng điểm 02 môn thi tốt nghiệp THPT (không tính môn năng khiếu) theo

tổ hợp môn xét tuyển đạt 12,00 điểm trở lên) trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,50 trở lên, không áp dụng đối với thí sinh được miễn thi, thí sinh đặc cách tốt nghiệp THPT theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành và thí sinh đã tốt nghiệp từ năm 2025 trở về trước;

- Riêng ngành Giáo dục Thẻ chất kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 (hoặc tương đương) và tổng điểm 02 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển đạt 11,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,50 trở lên, không áp dụng đối với thí sinh được miễn thi, thí sinh đặc cách tốt nghiệp THPT theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành và thí sinh đã tốt nghiệp từ năm 2025 trở về trước.

- Thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế có điểm thi năng khiếu do Nhà trường tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,00 trở lên theo thang điểm 10) khi đăng ký xét tuyển vào các chương trình đào tạo phù hợp không phải áp dụng ngưỡng đầu vào.

*) Đối với các chương trình đào tạo khác

Thí sinh phải có tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30 (chương trình đào tạo Quản lý thể dục thể thao yêu cầu tổng điểm 02 môn thi tốt nghiệp THPT (không tính môn năng khiếu) theo tổ hợp môn xét tuyển đạt tối thiểu 10,00 điểm), áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp năm 2026; không áp dụng đối với thí sinh thuộc được đặc cách xét tốt nghiệp THPT.

đ) Xét tuyển sử dụng kết quả đánh giá năng lực

- Điểm liệt của môn Năng khiếu (theo thang điểm 10): Từ 1,00 điểm trở xuống.

*) Đối với các chương trình đào tạo giáo viên

- Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (hoặc tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển đạt 18,00 điểm trở lên (chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non yêu cầu tổng điểm 02 môn thi tốt nghiệp THPT (không tính môn năng khiếu) theo tổ hợp môn xét tuyển đạt 12,00 điểm trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,50 trở lên, không áp dụng đối với thí sinh được miễn thi, thí sinh đặc cách tốt nghiệp THPT theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành và thí sinh đã tốt nghiệp từ năm 2025 trở về trước;

- Riêng ngành Giáo dục Thẻ chất kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 (hoặc tương đương) và tổng điểm 02 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển đạt 11,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,50 trở lên, không áp dụng đối với thí sinh được miễn thi, thí sinh đặc cách tốt nghiệp THPT theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành và thí sinh đã tốt nghiệp từ năm 2025 trở về trước.

- Thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế có điểm thi năng

khiếu do Nhà trường tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,00 trở lên theo thang điểm 10) khi đăng ký xét tuyển vào các chương trình đào tạo phù hợp không phải áp dụng ngưỡng đầu vào.

*) Đối với các chương trình đào tạo khác

Thí sinh phải có tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30 (chương trình đào tạo Quản lý thể dục thể thao yêu cầu tổng điểm 02 môn thi tốt nghiệp THPT (không tính môn năng khiếu) theo tổ hợp môn xét tuyển đạt tối thiểu 10,00 điểm), áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp năm 2026; không áp dụng đối với thí sinh thuộc diện đặc cách xét tốt nghiệp THPT.

e) Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi độc lập của Trường ĐHSP Hà Nội 2 (SP2E)

- Điểm liệt của môn Năng khiếu (theo thang điểm 10): Từ 1,00 điểm trở xuống.

*) Đối với các chương trình đào tạo giáo viên

- Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (hoặc tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển đạt 18,00 điểm trở lên điểm (chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non yêu cầu tổng điểm 02 môn thi tốt nghiệp THPT (không tính môn năng khiếu) theo tổ hợp môn xét tuyển đạt 12,00 điểm trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,50 trở lên, không áp dụng đối với thí sinh được miễn thi, thí sinh đặc cách tốt nghiệp THPT theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành và thí sinh đã tốt nghiệp từ năm 2025 trở về trước;

- Riêng ngành Giáo dục Thể chất kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 (hoặc tương đương) và tổng điểm 02 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển đạt 11,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,50 trở lên, không áp dụng đối với thí sinh được miễn thi, thí sinh đặc cách tốt nghiệp THPT theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành và thí sinh đã tốt nghiệp từ năm 2025 trở về trước.

- Thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế có điểm thi năng khiếu do Nhà trường tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,00 trở lên theo thang điểm 10) khi đăng ký xét tuyển vào các chương trình đào tạo phù hợp không phải áp dụng ngưỡng đầu vào.

*) Đối với các chương trình khác

Thí sinh phải có tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30 (chương trình đào tạo Quản lý thể dục thể thao yêu cầu tổng điểm 02 môn thi tốt nghiệp THPT (không tính môn năng khiếu) theo tổ hợp môn xét tuyển đạt tối thiểu 10,00 điểm), áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp năm 2026; không áp dụng đối với thí sinh thuộc diện đặc cách xét tốt nghiệp THPT.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Nhóm chương trình đào tạo	Mã chương trình đào tạo	Chương trình đào tạo tuyển sinh	Số lượng tuyển sinh (dự kiến)	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp 1	Tổ hợp 2	Tổ hợp 3	Tổ hợp 4
1	7140201	Đào tạo giáo viên	7140201	Giáo dục Mầm non	323	PT301	Ngữ văn	Ngữ văn	Ngữ văn	Ngữ văn
						PT301-DB	Toán	Tiếng Anh	GDKT&PL	Lịch sử
						Các phương thức khác	Năng khiếu 1	Năng khiếu 1	Năng khiếu 1	Năng khiếu 1
2	7140202	Đào tạo giáo viên	7140202	Giáo dục Tiểu học	362	PT301	Ngữ văn	Ngữ văn	Ngữ văn	Ngữ văn
						PT301-DB	Toán	Toán	Toán	Toán
						Các phương thức khác	Tiếng Anh	Vật lý	Lịch sử	Địa lí
3	7140204	Đào tạo giáo viên	7140204	Giáo dục Công dân	118	PT301	Ngữ văn	Ngữ văn	Ngữ văn	Ngữ văn
						PT301-DB	Lịch sử	Địa lí	Toán	Tiếng Anh
						Các phương thức khác	GDKT&PL	GDKT&PL	GDKT&PL	GDKT&PL
4	7140206	Đào tạo giáo viên	7140206	Giáo dục Thể chất	150	PT301	Ngữ văn	Ngữ văn	Toán	Toán
						PT301-DB	GDKT&PL	Toán	Sinh học	Hóa học
						Các phương thức khác	NK2	NK2	NK2	NK2
5	7140208	Đào tạo giáo viên	7140208	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	123	PT301	Ngữ văn	Ngữ văn	Ngữ văn	Ngữ văn
						PT301-DB	Toán	Lịch sử	Lịch sử	Lịch sử
						Các phương thức khác	Tiếng Anh	Địa lí	Tiếng Anh	GDKT&PL

TT	Mã xét tuyển	Nhóm chương trình đào tạo	Mã chương trình đào tạo	Chương trình đào tạo tuyển sinh	Số lượng tuyển sinh (dự kiến)	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp 1	Tổ hợp 2	Tổ hợp 3	Tổ hợp 4
6	7140209	Đào tạo giáo viên	7140209	Sur phạm Toán học	298	PT301	Toán	Toán	Toán	Toán
						PT301-DB	Vật lý	Vật lý	Hóa học	Ngữ văn
						Các phương thức khác	Hóa học	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Tiếng Anh
7	7140210	Đào tạo giáo viên	7140210	Sur phạm Tin học	181	PT301	Toán	Toán	Toán	Toán
						PT301-DB	Ngữ văn	Tin học	Vật lý	Vật lý
						Các phương thức khác	Tiếng Anh	Vật lý	Tiếng Anh	Hóa học
8	7140211	Đào tạo giáo viên	7140211	Sur phạm Vật lý	196	PT301	Toán	Toán	Toán	Vật lý
						PT301-DB	Vật lý	Vật lý	Vật lý	Tiếng Anh
						Các phương thức khác	Tiếng Anh	Hóa học	Văn	Văn
9	7140212	Đào tạo giáo viên	7140212	Sur phạm Hóa học	185	PT301	Toán	Toán	Toán	Toán
						PT301-DB	Hóa học	Hóa học	Hóa học	Hóa học
						Các phương thức khác	Vật lý	Tiếng Anh	Sinh học	Tin học
10	7140213	Đào tạo giáo viên	7140213	Sur phạm Sinh học	127	PT301	Toán	Toán	Toán	Toán
						PT301-DB	Hóa học	Sinh học	Vật lý	Sinh học
						Các phương thức khác	Sinh học	Tiếng Anh	Sinh học	Ngữ văn

TT	Mã xét tuyển	Nhóm chương trình đào tạo	Mã chương trình đào tạo	Chương trình đào tạo tuyển sinh	Số lượng tuyển sinh (dự kiến)	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp 1	Tổ hợp 2	Tổ hợp 3	Tổ hợp 4
11	7140217	Đào tạo giáo viên	7140217	Sur phạm Ngữ văn	284	PT301	Ngữ văn	Ngữ văn	Ngữ văn	Ngữ văn
						PT301-DB	Lịch sử	Toán	Lịch sử	Địa lí
						Các phương thức khác	Địa lí	Tiếng Anh	Tiếng Anh	GDKT&PL
12	7140218	Đào tạo giáo viên	7140218	Sur phạm Lịch sử	117	PT301	Ngữ văn	Ngữ văn	Ngữ văn	Toán
						PT301-DB	Lịch sử	Lịch sử	Lịch sử	Lịch sử
						Các phương thức khác	Địa lí	GDKT&PL	Tiếng Anh	Địa lí
13	7140231	Đào tạo giáo viên	7140231	Sur phạm Tiếng Anh	156	PT301	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Ngữ văn
						PT301-DB	Toán	Vật lý	Lịch sử	Hóa học
						Các phương thức khác	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Tiếng Anh
14	7140247	Đào tạo giáo viên	7140247	Sur phạm Khoa học tự nhiên	244	PT301	Toán	Toán	Toán	Toán
						PT301-DB	Sinh học	Vật lý	Hóa học	Vật lý
						Các phương thức khác	Ngữ văn	Hóa học	Sinh học	Tiếng Anh
15	7140249	Đào tạo giáo viên	7140249	Sur phạm Lịch sử - Địa lí	103	PT301	Ngữ văn	Ngữ văn	Ngữ văn	Toán
						PT301-DB	Lịch sử	Lịch sử	Lịch sử	Lịch sử
						Các phương thức khác	Địa lí	GDKT&PL	Tiếng Anh	Địa lí

TT	Mã xét tuyển	Nhóm chương trình đào tạo	Mã chương trình đào tạo	Chương trình đào tạo tuyển sinh	Số lượng tuyển sinh (dự kiến)	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp 1	Tổ hợp 2	Tổ hợp 3	Tổ hợp 4
16	7220201	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa	7220201	Ngôn ngữ Anh	112	PT301	Ngữ văn	Toán	Ngữ văn	Ngữ văn
						PT301-DB	Toán	Vật lý	Lịch sử	Hóa học
						Các phương thức	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Tiếng Anh
17	7220204	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	251	PT301	Toán	Toán	Toán	Ngữ văn
						PT301-DB	Ngữ văn	Ngữ văn	Vật lý	Lịch sử
						Các phương thức khác	Tiếng Anh	Tiếng Trung Quốc	Tiếng Anh	Tiếng Anh
18	7310403	Tâm lý học	7310403	Tâm lý học giáo dục	190	PT301	Ngữ văn	Ngữ văn	Ngữ văn	Ngữ văn
						PT301-DB	Toán	Lịch sử	Toán	GDKT&PL
						Các phương thức khác	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Sinh học	Tiếng Anh
19	7310630	Khu vực học	7310630	Việt Nam học	152	PT301	Ngữ văn	Ngữ văn	Ngữ văn	Ngữ văn
						PT301-DB	GDKT&PL	Lịch sử	Toán	Địa lí
						Các phương thức khác	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Tiếng Anh
20	7420201	Sinh học ứng dụng	7420201	Công nghệ sinh học	126	PT301	Toán	Toán	Toán	Toán
						PT301-DB	Hóa học	Sinh học	Vật lý	Sinh học
						Các phương thức khác	Sinh học	Tiếng Anh	Sinh học	Ngữ văn

TT	Mã xét tuyển	Nhóm chương trình đào tạo	Mã chương trình đào tạo	Chương trình đào tạo tuyển sinh	Số lượng tuyển sinh (dự kiến)	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp 1	Tổ hợp 2	Tổ hợp 3	Tổ hợp 4
21	7440122	Khoa học vật chất	7440122	Khoa học Vật liệu	198	PT301	Toán	Toán	Toán	Toán
						PT301-DB	Vật lý	Vật lý	Vật lý	Tiếng Anh
						Các phương thức khác	Tiếng Anh	Hóa học	Văn	Văn
22	7520301	Kỹ thuật hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường	7520301	Kỹ thuật hóa học	169	PT301	Toán	Toán	Toán	Toán
						PT301-DB	Hóa học	Hóa học	Hóa học	Hóa học
						Các phương thức khác	Vật lý	Tiếng Anh	Sinh học	Tin học
23	7810301	Thể dục, thể thao	7810301	Quản lý thể dục thể thao	107	PT301	Ngữ văn	Ngữ văn	Toán	Toán
						PT301-DB	GDKT&PL	Toán	Sinh học	Hóa học
						Các phương thức khác	Năng khiếu 2	Năng khiếu 2	Năng khiếu 2	Năng khiếu 2
24	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	201	PT301	Toán	Toán	Toán	Toán
						PT301-DB	Ngữ văn	Tin học	Vật lý	Vật lý
						Các phương thức khác	Tiếng Anh	Vật lý	Tiếng Anh	Hóa học

TT	Mã xét tuyển	Nhóm chương trình đào tạo	Mã chương trình đào tạo	Chương trình đào tạo tuyển sinh	Số lượng tuyển sinh (dự kiến)	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp 1	Tổ hợp 2	Tổ hợp 3	Tổ hợp 4
25	7460112	Toán học	7460112	Toán ứng dụng	134	PT301	Toán	Toán	Toán	Toán
						PT301-DB	Vật lý	Vật lý	Hóa học	Ngữ văn
						Các phương thức khác	Hóa học	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Tiếng Anh

Ghi chú: Số lượng tuyển sinh (dự kiến) phương thức PT301 không lớn hơn 5%, PT301-DB không lớn hơn 10% số lượng tuyển sinh theo chương trình đào tạo.

1.5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển, xét tuyển

a) Điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

- Điểm xét tuyển lấy từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của chương trình đào tạo xét tuyển. Điểm xét tuyển lấy đến 2 chữ số thập phân (đã được làm tròn) để xét tuyển. Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có điểm cộng thấp hơn; trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách và có điểm cộng bằng nhau, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có thứ tự ưu tiên nguyện vọng cao hơn; nếu vẫn còn nhiều thí sinh ở cuối danh sách có điểm xét tuyển bằng nhau thì xét thứ tự ưu tiên cho thí sinh có điểm môn cốt lõi cao hơn.

b) Điểm ưu tiên xét tuyển (ĐƯT)

- ĐƯT = ĐƯT theo đối tượng chính sách + ĐƯT theo khu vực. Tổng điểm ưu tiên không vượt quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét.

- ĐƯT đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$$\text{ĐƯT} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều 7 Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học, ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng.}$$

- Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

1.6. Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc xét tuyển đại học chính quy năm 2026

a) Hotline tư vấn tuyển sinh các ngành đào tạo

<https://tuyensinh.hpu2.edu.vn/chi-tiet/tu-van-tuyen-sinh-dai-hoc.html>

b) Hotline tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật

Điện thoại	Email
0812012626 0813005757	tuyensinh@hpu2.edu.vn

1.7. Học bổng và quyền lợi của thí sinh trúng tuyển khi nhập học

a) Hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt

Từ năm học 2021 - 2022 sinh viên sư phạm được hưởng hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ. Theo đó, sinh viên học các chương trình đào tạo giáo viên được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí bằng mức thu của Trường và hỗ trợ chi phí sinh hoạt 3,63 triệu đồng/tháng.

b) Học bổng (trung bình Nhà trường dành 7-8 tỉ/năm học làm quỹ học bổng cho sinh viên)

- Học bổng khuyến khích học tập (xét, cấp cho sinh viên có kết quả học tập và rèn luyện trong học kỳ đạt kết quả từ Khá trở lên); Mức học bổng căn cứ theo

Quyết định số 1712/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội 2 về việc ban hành Quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với sinh viên đại học hệ chính quy Trường ĐHSP Hà Nội 2.

- Học bổng khác: Áp dụng xét, cấp cho sinh viên có thành tích học tập, rèn luyện xuất sắc và sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn vượt khó vươn lên trong học tập, sinh viên là người dân tộc thiểu số, sinh viên khuyết tật, Nguồn kinh phí từ các nguồn xã hội hóa và quỹ Khuyến học của Trường.

c) Quyền lợi của thí sinh khi trúng tuyển nhập học

- Đối với thí sinh diện tuyển thẳng nhập học được trao học bổng mức 600.000đ/tháng ở học kì đầu tiên.

- Được xét, chọn trao học bổng vào đầu khóa học cho các sinh viên có điểm trúng tuyển cao.

- Được xét, chọn trao học bổng khuyến học do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài trường tài trợ.

- Được xét chọn đi học đại học ở nước ngoài theo quy định hiện hành.

- Được xét chọn vào các chương trình đào tạo dạy học bằng tiếng Anh của Nhà trường tương ứng chương trình đào tạo đã nhập học.

- Được tham gia xét tuyển học chương trình đào tạo ngành 2 để lấy bằng đại học thứ 2 theo hình thức đào tạo chính quy theo quy định hiện hành.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Hội đồng Tuyển sinh;
- Trung tâm Tin học (để đăng website);
- Trung tâm TT&SXHL;
- Lưu: TC-HC, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quang Huy

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHSPT HÀ NỘI 2

PHỤ LỤC

Thông báo tuyển sinh đại học chính quy năm 2026

(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHSPTN2 ngày tháng 5 năm 2026 của Trường ĐHSPT Hà Nội 2)

Bảng 1. Quy đổi điểm chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế sang thang điểm 10¹

Mức	Tiếng Anh							Tiếng Trung Quốc HSK, HSKK, TOCFL	Điểm quy đổi (thang điểm 10)
	IELTS	TOEFL iBT (Thang điểm 6)	TOEFL iBT ^(*)	APTIS ESOL	Pearson Test of English Academic (PTE Academic)	Pearson English International Certificate (PEIC)	Cambridge Assessment English		
1	4	3	45-53	Mức CEFR tổng thể: B1 2 kỹ năng đạt A2 + 2 kỹ năng đạt B1	43-48	Level 2 50-59	B1 Preliminary/ B1 Business Preliminary 140-146	HSK3: 180-219, HSKK Sơ cấp ≥60	7
2	4.5	3 ^(**)	54-62	Mức CEFR tổng thể: B1 3 kỹ năng đạt B1 + 1 kỹ năng đạt A2	49-53	Level 2 60-69	B1 Preliminary/ B1 Business Preliminary 147-153	HSK3: 220-259, HSKK Sơ cấp ≥60	7.5
3	5	3.5	63-71	Mức CEFR tổng thể: B1 4 kỹ năng đạt B1 hoặc 3 kỹ năng đạt B1 + 1 kỹ năng đạt B2	54-58	Level 2 70-100	B1 Preliminary/ B1 Business Preliminary 154-159	HSK3: ≥260, HSKK Sơ cấp ≥60	8

Mức	Tiếng Anh							Tiếng Trung Quốc HSK, HSKK, TOCFL	Điểm quy đổi (thang điểm 10)
	IELTS	TOEFL iBT (Thang điểm 6)	TOEFL iBT ^(*)	APTIS ESOL	Pearson Test of English Academic (PTE Academic)	Pearson English International Certificate (PEIC)	Cambridge Assessment English		
4	5.5	4	72-79	Mức CEFR tổng thể: B2 2 kỹ năng đạt B2 + 2 kỹ năng đạt B1	59-64	Level 3 50-59	B2 First B2 Business Vantage 160-166	HSK4: 180-219, HSKK Trung cấp ≥60	8.5
5	6	4 ^(***)	80-87	Mức CEFR tổng thể: B2 3 kỹ năng đạt B2 + 1 kỹ năng đạt B1	65-70	Level 3 60-69	B2 First B2 Business Vantage 167-173	HSK4: 220-259, HSKK Trung cấp ≥60	9
6	6.5	4.5	88-94	Mức CEFR tổng thể: B2 4 kỹ năng đạt B2 hoặc 3 kỹ năng đạt B2 + 1 kỹ năng đạt C1	71-75	Level 3 70-100	B2 First B2 Business Vantage 174-179	HSK4: ≥260, HSKK Trung cấp ≥60	9.5
7	7.0+	5+	95+	C1, C2	76+	Level 4, Level 5	C1 Advanced C1 Business Higher C2 proficiency 180+	HSK5/HSK6, HSKK Cao cấp ≥60	10

Lưu ý:

(*) Không sử dụng TOEFL iBT Home Edition.

(**) Điểm trung bình 4 kỹ năng lớn hơn 3 điểm

(***) Điểm trung bình 4 kỹ năng lớn hơn 4 điểm

Bảng 2. Kế hoạch đăng ký, xét tuyển

STT	Nội dung triển khai	Thời gian thực hiện
1	Thí sinh tốt nghiệp năm 2026 thực hiện tạo tài khoản đăng ký xét tuyển (ĐKXT) trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Thực hiện theo kế hoạch của Sở GD&ĐT các tỉnh, thành phố
2	Thí sinh (đã tốt nghiệp THPT) chưa có tài khoản ĐKXT trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo liên hệ Sở GD&ĐT các tỉnh, thành phố để được cấp tài khoản	Từ ngày 01/5 đến ngày 20/5/2026
3	Thí sinh cung cấp thông tin kết quả học tập cấp THPT (học bạ), ngành đăng ký xét tuyển trên Hệ thống tuyển sinh của Trường ĐHSP Hà Nội 2 (áp dụng đối với các phương thức xét tuyển sử dụng học bạ) tại địa chỉ: http://thisinh.hpu2.edu.vn	Từ 09h00 ngày 15/6 đến 17h00 ngày 30/6/2026
4	Thí sinh đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng (NV) xét tuyển trong thời gian quy định trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Từ ngày 02/7 đến 17 giờ 00 ngày 14/7/2026
5	Điều chỉnh, công bố mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển và điểm trúng tuyển quy đổi tương đương trên Hệ thống và trang thông tin điện tử của Nhà trường	Trước 17 giờ 00 Ngày 10/7/2026
6	Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển trực tuyến	Từ ngày 15/7/2026 đến 17h00 ngày 21/7/2026
7	Tổ chức xét tuyển	Từ ngày 29/7/2026 đến trước 17h00 ngày 13/8/2026
8	Thông báo thí sinh trúng tuyển đợt 1	Trước 17h00 ngày 13/8/2026

STT	Nội dung triển khai	Thời gian thực hiện
9	Thí sinh xác nhận nhập học trực tuyến đợt 1 trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Trước 17h00 Ngày 21/8/2026

Ghi chú: Thí sinh tự do (đã tốt nghiệp THPT) tốt nghiệp trước năm 2026 có nhu cầu xét tuyển phải thực hiện đăng ký và nhập đầy đủ thông tin phục vụ tuyển sinh trên Hệ thống theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bảng 3. Tổ hợp gốc và ngưỡng đầu vào (theo kết quả thi tốt nghiệp THPT) của môn cốt lõi trong các tổ hợp xét tuyển

TT	Mã ngành	Ngành tuyển sinh	Tổ hợp gốc	Môn cốt lõi
1	7140201	Giáo dục Mầm non	Ngữ văn	Năng khiếu 1
			GDKT&PL	
			Năng khiếu 1	
2	7140202	Giáo dục Tiểu học	Ngữ văn	Ngữ văn
			Toán	
			Tiếng Anh	
3	7140204	Giáo dục Công dân	Ngữ văn	GDKT&PL
			Lịch sử	
			GDKT&PL	
4	7140206	Giáo dục Thể chất	Toán	Năng khiếu 2
			Sinh học	
			Năng khiếu 2	
5	7140208	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Ngữ văn	Ngữ văn
			Lịch sử	
			Địa lí	
6	7140209	Sư phạm Toán học	Toán	Toán
			Vật lý	
			Hóa học	
7	7140210	Sư phạm Tin học	Toán	Toán
			Vật lý	
			Hóa học	
8	7140211	Sư phạm Vật lý	Toán	Vật lý
			Vật lý	
			Tiếng Anh	
9	7140212	Sư phạm Hoá học	Toán	Hóa học
			Hóa học	
			Vật lý	

TT	Mã ngành	Ngành tuyển sinh	Tổ hợp gốc	Môn cốt lõi
10	7140213	Sư phạm Sinh học	Toán	Sinh học
			Hóa học	
			Sinh học	
11	7140217	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn	Ngữ văn
			Lịch sử	
			Địa lí	
12	7140218	Sư phạm Lịch sử	Ngữ văn	Lịch sử
			Lịch sử	
			Địa lí	
13	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	Ngữ Văn	Tiếng Anh
			Toán	
			Tiếng Anh	
14	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Toán	Toán
			Sinh học	
			Ngữ văn	
15	7140249	Sư phạm Lịch sử - Địa lí	Ngữ văn	Lịch sử
			Lịch sử	
			Địa lí	
16	7220201	Ngôn ngữ Anh	Ngữ văn	Tiếng Anh
			Toán	
			Tiếng Anh	
17	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	Toán	Ngoại ngữ
			Ngữ văn	
			Tiếng Anh	
18	7310403	Tâm lý học giáo dục	Ngữ văn	Ngữ văn
			Toán	
			Tiếng Anh	
19	7310630	Việt Nam học	Ngữ văn	Ngữ văn
			Lịch sử	
			Tiếng Anh	

TT	Mã ngành	Ngành tuyển sinh	Tổ hợp gốc	Môn cốt lõi
20	7420201	Công nghệ sinh học	Toán	Sinh học
			Hóa học	
			Sinh học	
21	7440122	Khoa học vật liệu	Toán	Toán
			Vật lý	
			Tiếng Anh	
22	7460112	Toán ứng dụng	Toán	Toán
			Vật lý	
			Hóa học	
23	7480201	Công nghệ thông tin	Toán	Toán
			Vật lý	
			Hóa học	
24	7520301	Kỹ thuật hoá học	Toán	Hóa học
			Hóa học	
			Vật lý	
25	7810301	Quản lý thể dục thể thao	Toán	Năng khiếu 2
			Sinh học	
			Năng khiếu 2	